

Bản án số: 77/2025/DS-ST
Ngày: 18/6/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng
thẻ tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên.

2. Bà Lê Thị Xuân Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Nhật Lan Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 764/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 197/2025/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 247/2025/QĐST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Trụ sở: Số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Gia T, địa chỉ số B N, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 5525/2024/UQ-TGD ngày 02/8/2024). Vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích O, sinh năm 1975. Vắng mặt.

Địa chỉ: Số I K, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Trần Gia T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 12/10/2009, bà Nguyễn Thị Bích O có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng. Căn cứ thu nhập của bà O, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà O loại thẻ Visa số thẻ 472075-3651 với hạn mức sử dụng số tiền 50.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng thì bà O đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 94.788.048 đồng, thì bà O phải thanh toán thẻ tín dụng khi đến hạn theo thông báo giao dịch và tiền lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh mức lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau và khoản phí theo quy định tại Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng về chi tiết lãi, phí.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bà O đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng số tiền 127.059.224 đồng, số tiền được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là trừ phí, lãi trước, giao dịch sau, thì bà O còn nợ số tiền 15.351.232 đồng. Do bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 18, Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, nên ngày 16/11/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ số tiền 15.351.232 đồng sang nợ quá hạn và tính đến ngày 09/5/2025 còn nợ thẻ tín dụng Visa số thẻ 472075-3651 gồm: Gốc 15.351.232 đồng và lãi quá hạn số tiền 63.173.374 đồng tính từ ngày 16/11/2014 tạm tính đến ngày 09/5/2025 với mức lãi suất 3,225%/tháng nên Ngân hàng yêu cầu buộc bà O phải trả ngay số tiền nêu trên 1 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Từ 10/5/2025, bà O phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc nêu trên cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng chỉ yêu cầu cá nhân bà O trả nợ cho Ngân hàng vì đây là khoản vay tín chấp không yêu cầu chông của bà O cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ với bà O trong vụ án này trong trường hợp bà O có chông.

Bị đơn bà O không đến Tòa và cũng không có văn bản gửi đến Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên Tòa: Xét đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Gia T ngày 17/6/2025 như sau: Buộc bà Nguyễn Thị

Bích O trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 79.184.726 đồng do sử dụng thẻ tín dụng Visa số thẻ 472075-3651 gồm: Gốc số tiền 15.351.232 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 16/11/2014 cho đến ngày 18/6/2025 số tiền là 63.833.494 đồng với mức lãi suất 3,225%/tháng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bích O vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện bà O trả số tiền còn thiếu do sử dụng thẻ tín dụng phát sinh tranh chấp từ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/10/2009 được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Căn cứ kết quả xác minh của Công an P, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “*Tại địa chỉ 9 K, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh không có công dân Nguyễn Thị Bích O đăng ký thường trú hoặc tạm trú, thực tế cư trú*”; tại Công văn số 178/TLXM-CAP ngày 20/3/2025 của Công an phường C, tỉnh An Giang như sau: “*Địa chỉ số E đóc P, khóm E, Phường C, thành phố C, tỉnh An Giang hiện nay là số A, D, khóm E, Phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, bà O hiện tại không đăng ký thường trú và cũng không tạm trú tại địa chỉ trên vì bà O đã bán nhà từ năm 2009 và bỏ địa phương đi nơi khác sinh sống, hiện đi đâu không rõ*”. Đồng thời, tại phần thông tin cá nhân của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/10/2009 thì bà O cung cấp cho Ngân hàng địa chỉ bà O tạm trú tại 9 K, Phường I, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, khi bà O thay đổi nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương và không thông báo với nguyên đơn Ngân hàng là nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội

đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên vụ án tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Bị đơn bà O được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 196, 208 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Bị đơn bà O đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa nên tiến hành xét xử vắng mặt bà O theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.5] Đại diện nguyên đơn ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về các yêu cầu của nguyên đơn, xét: Buộc bà Nguyễn Thị Bích O trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 79.184.726 đồng do sử dụng thẻ tín dụng Visa số thẻ 472075-3651 gồm: Gốc số tiền 15.351.232 đồng và lãi quá hạn tính từ ngày 16/11/2014 cho đến ngày 18/6/2025 số tiền là 63.833.494 đồng với mức lãi suất 3,225%/tháng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật, thì Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về nợ gốc:

[2.1.1] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/10/2009 của bà O đối với Ngân hàng TMCP S thì bà O được Ngân hàng cấp hạn mức tín dụng số tiền 50.000.000 đồng với thẻ Visa số 472075-3651.

[2.1.2] Căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về hợp đồng vay tài sản như sau: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.*” và tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;*”; Tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 và khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng N quy định như sau: Các quy định về cấp tín dụng qua thẻ “ 2. *Số tiền đang thấu chi, số tiền đang vay tín dụng của một khách hàng nằm trong giới hạn cho vay đối với khách hàng đó theo quy định hiện hành của pháp luật.*

Dư nợ thấu chi qua thẻ, dư nợ tín dụng qua thẻ được tính vào tổng mức dư nợ cho vay chung của TCPHT.

3. *Thời hạn trả nợ, mức trả nợ tối thiểu, nghĩa vụ thanh toán và các nghĩa vụ khác liên quan đến việc cấp tín dụng thực hiện theo thoả thuận giữa TCPHT và chủ thẻ và không trái các quy định của pháp luật.*” và quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ như sau: *“Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Tổ chức phát hành thẻ các khoản phí, tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thoả thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ.”*;

[2.1.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S quy định tại khoản i Điều 1 về giải thích thuật ngữ như sau: *“Dư nợ thẻ gọi tắt là dư nợ là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ”*, tại Điều 2 về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ như sau: *“... Chủ thẻ là chủ thẻ chính và bất kỳ và tất cả chủ thẻ phụ, chịu trách nhiệm liên đới việc thanh toán tất cả các giao dịch và tất cả các loại phí, chi phí phát sinh trên tài khoản do sử dụng thẻ...”*, tại Điều 18 quy định về phương thức thanh toán như sau: *“Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được Chủ thẻ thanh toán cho Đơn vị phát hành thẻ vào hoặc trước ngày đến hạn được ghi trên thông báo ...”*, tại Điều 19 về số tiền thanh toán như sau: *“Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn vào hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho Chủ thẻ...”*, tại Điều 20 quy định về áp dụng thanh toán như sau: *“Thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.”*, và tại Điều 23 quy định về vi phạm như sau: *“Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán...”*, thì đối chiếu bản tóm tắt sao kê của bà O giao dịch từ ngày 15/11/2009 cho đến ngày 15/11/2014 thì bà O còn dư nợ số tiền 15.351.232 đồng không thanh toán cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu buộc bà O phải trả số tiền 15.351.232 đồng do sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên có sở chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi quá hạn:

[2.2.1] Căn cứ khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: *“Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc*

và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng N công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”.

[2.2.2] Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: “1. *Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.*

2. *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.*”.

[2.2.3] Theo bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng quy định tại Điều 22 quy định về cách tính lãi như sau: “*Chủ thẻ đồng ý thanh toán lãi suất phát sinh trên tài khoản.*” và tại Điều 23 về vi phạm như sau: *Việc không thanh toán ít nhất số tiền tối thiểu của Chủ thẻ cho đến kỳ phát hành Thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm theo Hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ tổng dư nợ sẽ trở nên đến hạn ngay lập tức và Chủ thẻ phải thanh toán. Nếu Chủ thẻ có nhiều hơn một tài khoản với Đơn vị phát hành thẻ, việc vi phạm ở một tài khoản sẽ tự động được xem như là vi phạm ở tất cả tài khoản khác. Dù bất cứ trường hợp nào, Đơn vị phát hành thẻ có quyền chấm dứt tất cả các tài khoản của Chủ thẻ tại Đơn vị phát hành thẻ...*

Khi sự kiện vi phạm xảy ra, Chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng Đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện một hoặc nhiều hành động sau:

- *Chấm dứt quyền sử dụng Thẻ và tiến hành thu hồi toàn bộ nợ.*

- *Áp dụng lãi suất nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ theo quy định của Đơn vị phát hành thẻ ...*”. Do bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng và chuyển nợ quá hạn đối với tín dụng từ ngày 16/11/2014 là phù hợp với quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn nêu trên là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2.4] Theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Trung tâm thẻ Ngân hàng S về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng quốc tế S1 quy định mức lãi suất trong hạn là 2,15%/ tháng nên Ngân hàng áp dụng mức lãi suất yêu cầu quá hạn 3,225%/tháng và yêu cầu bà O trả lãi quá hạn số tiền 63.833.494 đồng từ ngày 16/11/2014 đến ngày 18/6/2025 của thẻ tín dụng là phù hợp quy định pháp luật với những căn cứ đã viện dẫn là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn bà O phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 3.959.236 đồng đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận số tiền 79.184.726 đồng. Do yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được chấp nhận. Vì vậy, Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí nên hoàn trả số tiền 1.843.056 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP S đã nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 196, Điều 208, Điều 210, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471, khoản 1 và khoản 5 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng khoản 2 và khoản 3 Điều 4, khoản 2 Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp quy định về phí dịch vụ thẻ ban hành kèm theo Quyết số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng N;

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Luật Phí và lệ phí và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

- Buộc bà Nguyễn Thị Bích O trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền 79.184.726 đồng gồm: Gốc số tiền 15.351.232 đồng và lãi quá hạn từ ngày 16/11/2014 cho đến ngày 18/6/2025 số tiền 63.833.494 đồng của thẻ tín dụng Visa số thẻ 472075-3651 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 12/10/2009. Việc trả tiền được thực hiện một lần, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Bích O còn phải tiếp tục trả lãi của số tiền gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S theo mức lãi suất được quy định theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 10/12/2009 đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích O phải chịu án phí số tiền 3.959.236 đồng và nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.843.056 đồng theo biên lai thu tiền số 0040777 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và bị đơn bà Nguyễn Thị Bích O được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 3;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn